

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28/7/2022

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỘC, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Xuân Sơn;
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn Dũng; Ông Phạm Ngọc Dung;
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Văn Tư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2022/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2022, về việc " *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/7/2022; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Nh - Sinh năm: 2000;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: Thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc D - Sinh năm: 1988;
Địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện V - Thanh Hóa.
Tại phiên tòa có mặt chị Nh, anh D.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2022, bản tự khai ngày 21/3/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Nh trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh D tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2018, đến ngày 21/01/2019 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; Từ tháng 01/2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau

nữa. Nay chị Nh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị Nh yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Quốc D.

- Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung, tên là Nguyễn Ngọc Bảo A (Giới tính: Nữ), sinh ngày 25/3/2019; Hiện nay cháu A đang ở với chị Nh; Cháu phát triển bình thường cả về thể lực và trí lực, không ốm đau, bệnh tật gì.

Sau ly hôn, chị Nh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.500.000 đồng, tại phiên tòa chị yêu cầu anh D đóng góp tiền nuôi con chung là 2.000.000 (hai triệu đồng) đồng/ 01 tháng cho đến khi cháu A thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản và công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị Nh chưa yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Tại bản tự khai ngày 21/3/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Quốc D trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nh tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ đầu năm 2018, đến ngày 21/01/2019 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu, nguyên nhân là do chị Nh có quan hệ ngoại tình, nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay chị Nh có yêu cầu ly hôn, anh cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh D đồng ý ly hôn với chị Nh.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, tên là Nguyễn Ngọc Bảo A (Giới tính: Nữ), sinh ngày 25/3/2019; Hiện nay cháu đang ở với chị Nh; Cháu phát triển bình thường cả về thể lực và trí lực, không ốm đau, bệnh tật gì. Sau ly hôn, anh cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu chị Nh đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung; Vì anh D cho rằng, anh làm thợ cắt tóc và làm thêm bán trà sữa, có mức thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh D trình bày: nếu trường hợp chị Nh được quyền trực tiếp nuôi con chung thì anh có thể đóng góp tiền nuôi con chung mỗi tháng từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/01 tháng.

- Về tài sản và công nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, anh D chưa yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Tại biên bản xác minh ngày 23/5/2022, ở thôn Bồng Trung 1 và UBND xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa, là nơi chị Nh và anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú:

Về tình trạng hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh và Nguyễn Quốc D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, ngày 21/01/2019. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc; Từ

tháng 01/2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau nữa.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Nh và Nguyễn Quốc D có 01 con chung, cháu tên là Nguyễn Ngọc Bảo A (Giới tính: Nữ), sinh ngày 25/3/2019; Từ khi chị Nh và anh D ly thân nhau đến nay, chị Nh đem theo cháu A về ở với bố, mẹ đẻ, ở thôn Y, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa, sinh sống cho đến nay.

Về điều kiện nuôi con:

Đối với anh D: Anh D khai là làm thợ cắt tóc và bán trà sữa; Nhưng địa phương không nắm được mức thu nhập thực tế của anh D, nên không có căn cứ để xác nhận. UBND xã Minh Tân chỉ có cơ sở xác nhận mức thu nhập bình quân đầu người của xã Minh Tân năm 2021, là 72.000.000 đồng/01 năm, tương đương 6.000.000 đồng/01 tháng. Về nơi ở: Anh D đang ở nhà trên thửa đất của bố mẹ anh D, bố mẹ anh D chưa tặng cho, chuyển nhượng cho vợ chồng anh D.

Đối với chị Nh: Chị Nh làm công nhân Công ty giấy da thuộc huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Mức thu nhập của chị Nh, địa phương không biết.

Tại phiên tòa chị Nh và anh D vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên: Chị Nh và anh D đều giữ nguyên quan điểm thỏa thuận, thuận tình ly hôn để giải thoát cho nhau tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, nhưng không thỏa thuận được về việc nuôi con chung và cấp dưỡng mức tiền cụ thể để nuôi con chung.

Tại biên bản xác minh ngày 20/6/2022, ở thôn Yên Hoàn và UBND xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, là nơi chị Nh đang ở với bố mẹ đẻ:

- Về tình trạng hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh và Nguyễn Quốc D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, ngày 21/01/2019. Sau kết hôn, vợ chồng chung sống ở xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc; Sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chị Nh và anh D mâu thuẫn thế nào, địa phương không biết; Nhưng từ tháng 01/2022 đến nay, chị Nh đem cháu A về ở với bố, mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn Năm, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Lợi, sinh năm 1976; Cư trú tại: Thôn Yên Hoàn 1, xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, sinh sống cho đến nay.

- Về điều kiện nuôi con: Chị Nh làm công nhân Công ty giấy da thuộc huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; Mức thu nhập của chị Nh, chỉ có Công ty nơi chị Nh làm việc mới biết; địa phương không biết.

- Về nơi ở, điều kiện sống, sinh hoạt của chị Nh và cháu A: Từ khi chị Nh và cháu A về ở chung nhà với bố mẹ đẻ, điều kiện sinh sống, sinh hoạt của chị Nh và cháu A ổn định. Cháu A chưa đi học; Khi chị Nh đi làm, bố, mẹ chị Nh còn đang khỏe mạnh nên chăm sóc cháu A rất tốt.

- Về quan hệ xã hội của chị Nh: Khi chị Nh đi làm, địa phương không biết; Nhưng từ 01/2022 đến nay, chị Nh về ở với bố mẹ đẻ, chị Nh quan hệ với hàng xóm, địa phương và xã hội rất tốt, không để lại điều tiếng gì.

- Về chấp hành pháp luật, nội quy, quy định của địa phương: Chị Nh và bố, mẹ chị Nh chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của nhà nước và nội quy, quy định, không có sai phạm gì.

- Bảng lương công ty Giấy da ALENA Yên Định, tỉnh Thanh Hóa chuyển lương qua Ngân hàng Sacombank có xác nhận cho chị Nguyễn Thị Nh bình quân là 7740.000 đồng/01 thán trong các tháng 1, 2, 3 năm 2022.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nh và anh D. Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo An (Giới tính: nữ), sinh ngày 25/3/2019 cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng; anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nh mỗi tháng từ 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng đến 2.000.000đ (hai triệu đồng)/ 01 tháng cho đến khi cháu A thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Anh Nguyễn Quốc D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về việc phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Nh có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” đối với anh Nguyễn Quốc D; Anh D có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã M, huyện V, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Quốc D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, ngày 21/01/2019; Như vậy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nh và anh D là hợp pháp. Quá trình chung sống, do anh D nghi ngờ chị Nh có quan hệ ngoại tình, nên vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nhất là từ tháng 01/2022,

khi chị Nh bỏ về ở với bố mẹ đẻ và từ đó đến nay, vợ chồng đã sống ly thân nhau, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Chứng tỏ mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Nh và anh D đều thống nhất thỏa thuận, thuận tình ly hôn; Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình để công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[3]Về con chung: Chị Nh và anh D đều thừa nhận. vợ, chồng có 01 con chung, tên là Nguyễn Ngọc Bảo An (Giới tính: Nữ), sinh ngày 25/3/2019; Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau, cháu A ở cùng với chị Nh. Chị Nh và anh D đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Chị Nh yêu cầu anh D đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng từ 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng; Anh D không yêu cầu chị Nh góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên vọng nuôi con của chị Nh và anh D là hoàn toàn chính đáng, thể hiện nghĩa vụ và trách nhiệm của cha, mẹ đối với con. Tuy nhiên, khi thụ lý vụ án, cháu A đang còn nhỏ (dưới 36 tháng tuổi), nay cháu mới hơn 03 tuổi là con gái nên rất cần tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Từ tháng 01/2022 đến nay, vợ chồng sống ly thân nhau đến nay, cháu A do chị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về thu nhập: Chị Nh làm công nhân tại Công ty Giày da ALENA huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa (theo sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Sacombank), thì Công ty nơi chị Nh làm việc trả lương cho chị Nh thông qua tài khoản tại Ngân hàng (tháng 01, tháng 02 và tháng 3/2022), mỗi tháng là 7.740.000 đồng.

Anh anh D cho rằng, anh làm thợ cắt tóc và làm thêm bán trà sữa, có mức thu nhập trung bình mỗi tháng là 10.000.000 đồng; UBND xã Minh Tân chỉ có cơ sở xác nhận mức thu nhập bình quân đầu người của xã Minh Tân năm 2021, là 72.000.000 đồng/01 năm, tương đương 6.000.000 đồng/01 tháng.

HĐXX xét thấy điều kiện sống và thu nhập của anh D và chị Nh tương đương nhau.

Tuy nhiên để không làm xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của cháu A, để cháu A được phát triển tốt hơn về thể chất, trí tuệ, đạo đức và tinh thần; Nên HĐXX xét thấy cần giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo An cho anh chị Nguyễn Thị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về mức đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, chị Nh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A và yêu cầu anh D có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng từ 2.000.000 (hai triệu đồng) đồng đến 2.500.000 đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) cho đến khi cháu A thành niên (đủ 18 tuổi); Anh D cũng có ý kiến: nếu trường hợp chị Nh được quyền trực tiếp nuôi con chung thì

anh đồng ý đóng góp tiền nuôi con chung mỗi tháng từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng/01 tháng.

Xét thấy mặc dù hoàn cảnh sống, mức thu nhập của anh D hiện nay chưa cao, nhưng để đảm bảo quyền lợi cho cháu A cũng như cần thiết phải gắn trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng của cha, mẹ đối với con cái nên HĐXX xét thấy cần buộc anh D phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Bảo An số tiền 1.700.000 đồng (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) /01 tháng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thỏa thuận và quyết định khác là phù hợp. Thời gian bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng được tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2022.

[5] Về tài sản, công nợ và các nghĩa vụ khác: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Quốc D đều thống nhất, vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Quốc D đã thống nhất thỏa thuận tình ly hôn nên chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 50% (150.000 đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Quốc D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về việc phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 482, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 3/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Quốc D.

2. Về con chung:

2.1 Công nhận chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Quốc D có một con chung, tên là Nguyễn Ngọc Bảo An (Giới tính: Nữ), sinh ngày 25/3/201

2.2. Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo An cho chị Nguyễn Thị Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Nguyễn Quốc D có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Bảo An là 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng)/ 01 tháng cho đến khi cháu Nguyễn Ngọc Bảo An thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thỏa thuận và quyết định khác.

Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 8 năm 2022. Hàng tháng anh Nguyễn Quốc D phải nộp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Ngọc Bảo An trực tiếp cho chị Nh theo địa chỉ: Chị Nguyễn Thị Nh - Sinh năm: 2000;

Nơi cư trú hiện nay: Thôn Yên Hoàn 1, xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa; hoặc qua Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa

2.3. Người trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; không ai được cản trở trong việc thăm nom con chung. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.4. Chị Nguyễn Thị Nhung và anh Nguyễn Quốc D đều có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức tiền cấp dưỡng nuôi con bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nh đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004661 ngày 09/3/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy chị Nguyễn Thị Nh được nhận lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền đã nộp tạm ứng án phí.

Anh Nguyễn Quốc D phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm vì anh phải có nghĩa vụ nộp tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Nh, anh D. Chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Quốc D có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Lộc;
- UBND xã Minh Tân, huyện Vĩnh Lộc;
- UBND xã Đ, H. Y, T Hóa.
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Lộc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Xuân Sơn